

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THƯỜNG XUYÊN:
BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC**

*(Ban hành theo Quyết định số. 209. /QĐ-PIC, ngày 24 tháng 09 năm 20... của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế PHOENIX)*

Phú Thọ - Năm 2025

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX

Số: 209/1-QĐ - PIC
V/v ban hành chương trình đào tạo thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NGHỀ: BẢO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

- Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc đổi tên Trường Trung cấp Việt Nhật thành Trường cấp Quốc tế Phoenix;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/04/2025/NQ-HĐQT ngày 12/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế về Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix;
- Căn cứ Điều lệ trường Trung cấp quy định tại Văn bản hợp nhất số 1549/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 12 tháng 04 năm 2024 của bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ Thông tư số 5828/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành nội dung Chương trình đào tạo thường xuyên nghề: Bảo chế đông dược, tại trường Trung cấp Quốc tế Phoenix

Điều 2: Phòng Đào tạo, các Phòng/ Khoa chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu HC

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Tuấn Dũng

Phú Thọ, ngày 24 tháng 09 năm 2025

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN
BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC**

*(Ban hành theo Quyết định số 2.009.../QĐ – ... ngày 24 tháng 09 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix)*

Tên nghề: Bào chế Đông dược

Trình độ đào tạo: Đào tạo thường xuyên

Đối tượng tuyển sinh:

Người từ 15 tuổi trở lên, có sức khỏe phù hợp và có mong muốn học nghề bào chế Đông dược; ưu tiên người đang làm việc tại các cơ sở Đông y, tiệm thuốc, phòng bào chế, cơ sở kinh doanh dược liệu hoặc những cá nhân có định hướng làm việc trong lĩnh vực Y học cổ truyền.

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:

Chúng chỉ đào tạo khóa học Bào chế Đông dược.

Hình thức học:

Học trực tiếp tại cơ sở đào tạo; kết hợp học trực tuyến đối với phần lý thuyết.

Mục tiêu đào tạo

1. Kiến thức

Khóa học cung cấp đầy đủ hệ thống kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành liên quan đến bào chế dược liệu theo Y học cổ truyền, bao gồm:

- Khái niệm, mục đích, yêu cầu và ý nghĩa của bào chế Đông dược.
- Kiến thức về chuẩn bị nguyên liệu – dược liệu: chọn lọc, phân loại, làm sạch, thái – phơi – sấy.
- Các phương pháp chế biến cổ truyền: sao – tẩm – đồ – chưng nhằm thay đổi tính vị, giảm độc, tăng hiệu quả điều trị.
- Kiến thức về tá dược và phụ liệu sử dụng trong bào chế; nguyên tắc phối hợp và xử lý tương kỵ.
- Quy trình bào chế các dạng thuốc cổ truyền: thang, tán, hoàn, cao mềm, cao khô, thuốc đơn.
- Quy trình bào chế các dạng thuốc hiện đại từ dược liệu: viên nén, viên nang, thuốc nước, siro, thuốc đặt.
- Các yêu cầu về vệ sinh – an toàn trong bào chế, phòng ngừa nhiễm chéo và sai sót kỹ thuật.
- Phương pháp đóng gói – ghi nhãn – bảo quản và các kỹ thuật kiểm tra chất lượng cơ bản của thuốc Đông dược.

2. Kỹ năng

Học viên sau khóa học có thể:

- Thực hiện đúng quy trình sơ chế và chuẩn bị dược liệu (rửa – làm sạch – thái – phơi – sấy).

- Vận dụng thành thạo các kỹ thuật chế biến cổ truyền: sao, tẩm, đồ, chưng.
- Bào chế được các dạng thuốc cổ truyền và hiện đại theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Vận hành an toàn các thiết bị: máy nghiền, máy hoàn viên, máy dập viên, máy trộn bột, máy đóng nang...
- Kiểm tra được các tiêu chí chất lượng cơ bản: cảm quan, độ ẩm, tạp chất, độ đồng đều, độ rã.
- Đóng gói – ghi nhãn đúng quy định và thực hiện bảo quản phù hợp từng dạng sản phẩm.
- Đảm bảo vệ sinh – an toàn trong môi trường sản xuất và phòng tránh nhiễm chéo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

Thời gian khóa học: Dưới 3 tháng

Thời lượng đào tạo: 110 giờ

Phân bổ thời lượng học

- **Lý thuyết:** 25 giờ
- **Thực hành:** 80 giờ
- **Kiểm tra – thi:** 5 giờ

Khung chương trình đào tạo (5 mô đun)

Mã MH/MĐ	Tên môn học / mô đun	Tổng thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 01	Đại cương về bào chế Đông dược	05	05	0	0
MĐ 02	Chuẩn bị nguyên liệu – dược liệu; tá dược và phụ liệu trong bào chế Đông dược	25	05	19	01
MĐ 03	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền cơ bản	35	05	29	01
MĐ 04	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc hiện đại từ dược liệu	35	05	29	01
MĐ 05	Vệ sinh , an toàn; bảo quản , đóng gói; kiểm tra chất lượng	05	05	0	0
	Ôn tập và kiểm tra	05	0	0	05
	Tổng cộng	110	25	77	08

4.1. HƯỚNG DẪN MÔ-ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ

Chương trình đào tạo nghề “**Bào chế Đông dược**” được xây dựng nhằm cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức – kỹ năng toàn diện về quá trình sơ chế, chế biến và sản xuất các dạng thuốc từ dược liệu theo Y học cổ truyền và tiêu chuẩn hiện đại.

Chương trình gồm **05 mô-đun chính** và **01 phần thi cuối khóa**, được thiết kế theo lộ trình từ cơ bản đến nâng cao, đảm bảo học viên nắm vững cả **lý thuyết nền tảng, kỹ thuật thực hành**, và **quy chuẩn chất lượng – an toàn** trong bào chế thuốc Đông dược.

Trọng tâm chương trình là rèn luyện kỹ năng nghề:

- chuẩn bị nguyên liệu – dược liệu
- xử lý – sơ chế – sao – tẩm – chưng – đồ
- bào chế thuốc cổ truyền (thang, tán, hoàn, cao)
- bào chế thuốc hiện đại (viên nén, nang, siro, thuốc đặt)
- kiểm tra – đóng gói – bảo quản
- đảm bảo vệ sinh – an toàn – chất lượng sản phẩm

Học viên được hướng dẫn bài bản theo quy trình chuẩn, có thực hành trực tiếp với nguyên liệu thật, thiết bị thật và được đánh giá bằng thực hành – lý thuyết – sản phẩm cuối khóa.

NỘI DUNG CÁC MÔ-ĐUN

Dưới đây là mô tả khái quát của từng mô-đun trong chương trình:

a. MĐ01 – Đại cương về bào chế Đông dược

Mô đun mở đầu, cung cấp những kiến thức nền tảng quan trọng về bào chế Đông dược, bao gồm khái niệm, mục đích, yêu cầu và ý nghĩa của việc xử lý – chế biến dược liệu trong Y học cổ truyền.

Người học hiểu được vai trò của công tác bào chế trong bảo tồn giá trị truyền thống, nâng cao hiệu quả điều trị và đảm bảo an toàn khi sử dụng thuốc.

Mô đun cũng giới thiệu lịch sử phát triển bào chế đông dược và các dạng thuốc cơ bản trong YHCT, giúp học viên hình thành tư duy hệ thống trước khi bước vào thực hành ở các mô đun tiếp theo.

• **Thời lượng:** 05 giờ (05 LT)

• **Nội dung chính:**

- Khái niệm, mục đích và yêu cầu của bào chế Đông dược.
- Lịch sử phát triển của bào chế dược liệu trong YHCT.
- Phân loại các dạng thuốc Đông y (thang, tán, hoàn, cao, đơn...).
- Nguyên tắc chung và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc.

b. MĐ02 – Chuẩn bị nguyên liệu, dược liệu; tá dược và phụ liệu trong bào chế Đông dược

Mô đun cung cấp toàn diện kỹ năng sơ chế và chuẩn bị nguyên liệu trước khi bào chế, từ chọn – phân loại – làm sạch – thái – phơi – sấy đến các kỹ thuật cổ truyền như sao, tẩm, đồ, chưng.

Người học được thực hành trực tiếp trên nhiều loại dược liệu thật, giúp hình thành kỹ

năng nghề vững chắc.

Mô đun đồng thời trang bị kiến thức về tá dược và phụ liệu: tính chất, vai trò, ứng dụng và các hiện tượng tương kỵ trong bào chế.

Đây là mô đun nền tảng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng các dạng thuốc cổ truyền và hiện đại ở các mô đun sau.

• **Thời lượng:** 25 giờ (5 LT + 19 TH + 1 KT)

• **Nội dung chính:**

- Quy trình chọn và phân loại dược liệu theo tiêu chuẩn.
- Làm sạch, rửa, thái lát, phơi – sấy dược liệu.
- Kỹ thuật sao vàng – sao đen – tẩm rượu – tẩm giấm – tẩm gừng – tẩm mật ong.
- Phương pháp đồ – chưng thay đổi tính vị – giảm độc – tăng tác dụng.
- Khái niệm – phân loại – tính chất tá dược, phụ liệu.
- Nguyên tắc phối hợp tá dược – xử lý tương kỵ trong bào chế.

c. MĐ03 – Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền cơ bản

Mô đun trọng tâm, giúp học viên nắm vững và thực hành thành thạo kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền như thuốc thang, thuốc tán, thuốc hoàn, cao mềm, cao khô và thuốc đơn.

Học viên được hướng dẫn đầy đủ quy trình sắc – cô – nghiền – rây – phối trộn – vè viên – chế biến cao.

Nội dung mô đun yêu cầu độ chính xác cao, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn – vệ sinh trong suốt quá trình thực hành.

Kết thúc mô đun học viên có khả năng tự thực hiện một dạng thuốc hoàn chỉnh.

• **Thời lượng:** 35 giờ (5 LT + 28 TH + 2 KT)

• **Nội dung chính:**

- Kỹ thuật sắc thang thuốc và cô đặc cao.
- Bào chế thuốc tán: nghiền – rây – phối hợp theo tỷ lệ.
- Bào chế thuốc hoàn: hoàn mật – hoàn nước – hoàn viên bằng máy.
- Chế biến cao mềm – cao khô – thuốc đơn.
- Kiểm tra cảm quan – chất lượng – độ đồng nhất sản phẩm.

d. MĐ04 – Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc hiện đại từ dược liệu

Mô đun nâng cao, giúp học viên tiếp cận quy trình bào chế các dạng thuốc hiện đại, áp dụng kỹ thuật và thiết bị bán công nghiệp: viên nén, viên nang cứng/mềm, siro, thuốc nước và thuốc đặt.

Người học được hướng dẫn chọn quy trình từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, trộn – tạo hạt – dập viên, đóng nang, pha chế siro – thuốc nước cho đến kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Mô đun nhấn mạnh tính chính xác, an toàn và tuân thủ quy trình trong sản xuất.

• **Thời lượng:** 35 giờ (5 LT + 28 TH + 2 KT)

• **Nội dung chính:**

- Quy trình bào chế viên nén: trộn – tạo hạt – sấy – dập viên.
- Bào chế viên nang cứng – viên nang mềm.
- Pha chế thuốc nước, siro, dịch chiết dược liệu.

- Bào chế thuốc đặt: tá dược – phối hợp – rót khuôn – làm lạnh.
- Kiểm tra các chỉ tiêu: độ rã – độ ẩm – độ đồng đều khối lượng – cảm quan.

e. MĐ05 – Vệ sinh – an toàn; bảo quản – đóng gói; kiểm tra chất lượng

Mô đun tổng hợp, trang bị kiến thức về an toàn – vệ sinh lao động trong bào chế, điều kiện bảo quản dược liệu và thành phẩm, kỹ thuật đóng gói – ghi nhãn – lựa chọn bao bì theo quy định.

Ngoài ra, mô đun giúp học viên nắm được các phương pháp kiểm tra chất lượng cơ bản như kiểm tra cảm quan, độ ẩm và tạp chất.

Đây là mô đun quan trọng nhằm đảm bảo sản phẩm cuối cùng đạt chuẩn chất lượng.

• **Thời lượng:** 6 giờ (5 LT + 1 KT)

• **Nội dung chính:**

- Quy định về vệ sinh – an toàn trong sản xuất thuốc Đông dược.
- Điều kiện bảo quản thuốc theo dạng bào chế.
- Bao bì – đóng gói – ghi nhãn sản phẩm theo tiêu chuẩn.
- Kiểm tra chất lượng: cảm quan – độ ẩm – tạp chất – tính ổn định.

Thi – Kiểm tra cuối khóa (05 giờ)

Học viên tham gia kiểm tra tổng hợp bằng lý thuyết + thực hành, đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và khả năng ứng dụng nghề.

4.2. HƯỚNG DẪN VỀ PHÒNG HỌC VÀ TRANG THIẾT BỊ

Để tổ chức giảng dạy chương trình “Bào chế Đông dược” đạt hiệu quả, cơ sở đào tạo cần chuẩn bị đầy đủ phòng học, dụng cụ và thiết bị đáp ứng yêu cầu của từng mô-đun. Phòng học phải đảm bảo an toàn, đúng quy định về vệ sinh, phòng cháy chữa cháy và tiêu chuẩn môi trường đối với đào tạo nghề.

1. Phòng học lý thuyết

Phòng lý thuyết cần đáp ứng:

- Diện tích phù hợp số lượng học viên, thông thoáng, đủ ánh sáng.
- Bàn ghế bố trí khoa học, có máy chiếu, bảng viết, máy tính, màn chiếu.
- Trang bị tài liệu – mô hình minh họa:
 - mô hình các dạng thuốc (thang, tán, hoàn, cao, đơn)
 - hình ảnh các phương pháp sao – tẩm – phơi – sấy
 - bảng phân loại tá dược và bao bì
- Có tủ tài liệu và tủ lưu mẫu dùng cho minh họa lý thuyết.

2. Phòng thực hành bào chế

Phòng thực hành là khu vực quan trọng nhất của chương trình, cần đáp ứng các tiêu chí:

a) Khoảng không gian – an toàn

- Bố trí theo khu vực thao tác:
 - khu xử lý dược liệu thô (rửa – làm sạch – thái – phơi)
 - khu sao – tẩm – chưng – đồ
 - khu nấu cao – sắc – cô
 - khu nghiền – rây – hoàn – tạo viên
 - khu đóng gói – ghi nhãn – bảo quản

- Có hệ thống hút mùi – thông gió, chống ẩm mốc, chống cháy nổ.
- Có bồn rửa, khu sơ cứu, bình chữa cháy, trang bị bảo hộ.

b) Dụng cụ – thiết bị thực hành theo mô-đun

Phục vụ MĐ02 (Chuẩn bị nguyên liệu – tá dược – phụ liệu):

- Dao, kéo, thớt, khay phơi, rổ đãi, sàng, rây.
- Tủ sấy, máy sấy tầng, bếp điện, chảo sao, nồi sao.
- Dụng cụ tắm: bình rửa – giấm, chõ đồ, nồi chung.
- Cân kỹ thuật, nhiệt kế, khay inox, lọ thủy tinh.
- Mẫu dược liệu, mẫu tá dược, phụ liệu.

Phục vụ MĐ03 (Bào chế dạng thuốc cổ truyền):

- Nồi sắc thuốc, nồi cô, dụng cụ lọc bã.
- Máy nghiền bột, rây các cỡ.
- Máy hoàn viên, khay đựng viên.
- Tủ sấy – cân điện tử – bộ dụng cụ vệ hoàn.
- Dụng cụ chế biến cao mềm/cao khô.

Phục vụ MĐ04 (Bào chế dạng thuốc hiện đại):

- Máy trộn bột, máy tạo hạt ướt – khô.
- Máy dập viên nén mini.
- Máy đóng nang cứng.
- Dụng cụ pha siro – dịch chiết: nồi nấu, phễu lọc, chai lọ.
- Khuôn rót thuốc đặt, bếp nóng, cân vi lượng.
- Dụng cụ kiểm tra chất lượng (độ rã – độ ẩm – cảm quan).

Phục vụ MĐ05 (Vệ sinh – an toàn – đóng gói – bảo quản):

- Máy hàn miệng túi, bao bì PE, hũ thủy tinh, lọ tối màu.
- Nhãn sản phẩm và dụng cụ ghi nhãn.
- Tủ bảo quản – tủ chống ẩm.
- Bộ checklist kiểm tra chất lượng cảm quan – độ ẩm – tạp chất.

3. Trang bị bảo hộ và an toàn

Tất cả học viên phải được trang bị tối thiểu:

- Áo blouse
- Khẩu trang – găng tay – mũ chụp tóc
- Kính bảo hộ
- Giày bảo hộ chống trơn

Phòng học phải có:

- Nội quy an toàn thực hành
- Hộp sơ cứu
- Bình chữa cháy
- Bảng quy trình vệ sinh – an toàn

4.3. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Việc tổ chức giảng dạy chương trình “Bào chế Đông dược” cần đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và tuân thủ quy trình an toàn trong bào chế. Phương pháp giảng dạy

phải kết hợp hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, nhằm giúp học viên nắm vững kiến thức, thành thạo kỹ năng và có thể vận dụng vào thực tế sản xuất.

1. Đối với chương trình

- Các mô-đun được tổ chức theo lộ trình **từ cơ bản đến nâng cao**, đảm bảo tính liên thông và kế thừa giữa các nội dung.
- Lý thuyết được giảng dạy trước khi bước vào thực hành, giúp học viên nắm vững nguyên lý – quy trình – yêu cầu kỹ thuật.
- Tăng cường thực hành theo nhóm và cá nhân, gắn với các bài tập mô phỏng và tình huống thực tế trong bào chế dược liệu.
- Mỗi buổi học cần đảm bảo an toàn – vệ sinh – đầy đủ trang thiết bị theo yêu cầu của từng mô-đun.

2. Đối với giáo viên

Giáo viên giảng dạy cần đáp ứng các yêu cầu:

- Có chuyên môn về Y học cổ truyền, Dược liệu, Công nghệ bào chế hoặc lĩnh vực liên quan.
- Có kỹ năng hướng dẫn thực hành, nắm vững quy trình kỹ thuật từ sơ chế đến bào chế cổ truyền và hiện đại.
- Chuẩn bị giáo án, tài liệu giảng dạy, hình ảnh minh họa, dụng cụ mẫu và kế hoạch cho từng buổi học.
- Tổ chức lớp học theo hình thức:
 - giảng giải – trình chiếu
 - hướng dẫn thao tác trực tiếp
 - mô phỏng tình huống sai sót – yêu cầu học viên xử lý
 - quan sát – nhận xét sản phẩm học viên
- Bảo đảm tuân thủ quy định an toàn, giám sát học viên trong quá trình xử lý nhiệt, lửa, thiết bị và hóa chất.

3. Đối với học viên

Học viên cần:

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tài liệu, dụng cụ bảo hộ trước mỗi buổi học.
- Tích cực tham gia thảo luận, thực hành thao tác và đặt câu hỏi với giảng viên.
- Tuân thủ nghiêm các quy định về vệ sinh – an toàn trong khu vực thực hành.
- Ghi chép đầy đủ quy trình, công thức, kinh nghiệm và lưu ý kỹ thuật.
- Hoàn thành bài tập, sản phẩm thực hành và tham gia đầy đủ các buổi kiểm tra theo yêu cầu của từng mô-đun.

4.4 Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Người học được dự kiểm tra kết thúc mô đun khi có đủ điều kiện sau:
- Tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun được quy định trong đề cương chi tiết của mô đun.
- Điểm thi kết thúc chương trình đào tạo phải đạt từ 4 điểm trở lên đối với bài thi lý thuyết và đạt từ 5 điểm trở lên đối với bài thi thực hành.

Hình thức kiểm tra, thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được quy định trong đề cương chi tiết của môn học, mô đun.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

MÔ-ĐUN 01: ĐẠI CƯƠNG VỀ BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

Thời lượng: 05 giờ (Lý thuyết: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất

● Vị trí:

Mô-đun 01 là mô-đun mở đầu trong chương trình “Bào chế Đông dược”.

Nội dung mô-đun đặt nền tảng cho người học về khái niệm, mục đích, yêu cầu và ý nghĩa của bào chế dược liệu theo Y học cổ truyền.

Đây là tiền đề bắt buộc để học viên có đủ kiến thức nền khi bước sang các mô-đun thực hành và kỹ thuật nâng cao từ MĐ02 đến MĐ05.

● Tính chất:

Là mô-đun **thuần lý thuyết**, mang tính khái quát – định hướng – hệ thống hóa kiến thức nền.

Nội dung cung cấp:

- khái niệm bào chế
- lịch sử hình thành phát triển bào chế đông dược
- các dạng thuốc Đông y
- nguyên tắc – yêu cầu – yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc

Mô-đun không yêu cầu thao tác thực hành nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tư duy nghề.

II. Mục tiêu

1. Kiến thức

Học viên có khả năng:

- Trình bày được **khái niệm, mục đích, yêu cầu và ý nghĩa** của bào chế Đông dược.
- Hiểu được **vai trò** của công tác bào chế trong sản xuất, bảo tồn và phát huy giá trị Y học cổ truyền.
- Nhận biết được **các dạng thuốc cơ bản** trong Đông dược: thang, tán, hoàn, đơn, cao.
- Trình bày được **nguyên tắc chung và các yếu tố ảnh hưởng** đến chất lượng thuốc bào chế.

2. Kỹ năng

- Nhận diện được các dạng thuốc Đông y thông qua hình ảnh hoặc mô tả.
- Phân tích được vai trò của bào chế trong hiệu quả điều trị của thuốc cổ truyền.
- Có khả năng tham gia thảo luận chủ đề về giá trị và ứng dụng bào chế trong YHCT.

3. Năng lực tự chủ – trách nhiệm

- Có ý thức học tập nghiêm túc, tư duy hệ thống và tinh thần trách nhiệm trong quá trình tiếp thu kiến thức nền tảng.
- Sẵn sàng tiếp cận các mô-đun thực hành nâng cao sau mô-đun này.

III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian (05 giờ)

TT	Nội dung bài học	Thời lượng (giờ)	Lý thuyết
1	Khái niệm, mục đích, yêu cầu của bào chế Đông dược	1.5	1.5
2	Lịch sử phát triển của bào chế Đông dược	1.0	1.0
3	Phân loại thuốc Đông dược theo dạng bào chế	1.0	1.0
4	Nguyên tắc và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc	1.5	1.5
Tổng cộng		5 giờ	5 giờ

IV. Nội dung chi tiết các bài học

Bài 1: Khái niệm, mục đích, yêu cầu của bào chế Đông dược (1.5 giờ)

- **Khái niệm:** bào chế là quá trình xử lý, biến đổi dược liệu để tạo dạng thuốc phù hợp cho sử dụng.
- **Mục đích:**
 - giảm độc tính
 - tăng hiệu quả điều trị
 - thay đổi tính vị – khí – tác dụng
 - thuận tiện khi sử dụng
 - kéo dài thời gian bảo quản
- **Yêu cầu:**
 - đảm bảo an toàn – vệ sinh – đúng kỹ thuật
 - tuân thủ quy chuẩn YHCT
 - bảo tồn hoạt chất tự nhiên

Bài 2: Lịch sử phát triển của bào chế Đông dược (1 giờ)

- Diễn biến qua các thời kỳ:
 - Thời cổ đại – hình thành phương pháp sơ khai
 - Thời Trung Hoa cổ – hình thành hệ thống tài liệu (Thần Nông Bản Thảo, Bản Thảo Cương Mục)
 - Thời cận – hiện đại: chuẩn hóa quy trình, áp dụng máy móc
- Vai trò của bào chế trong hệ thống YHCT truyền thống và hiện đại.

Bài 3: Phân loại thuốc Đông dược theo dạng bào chế (1 giờ)

- Phân loại theo dạng:
 - **Thuốc thang** (sắc nước uống)
 - **Thuốc tán** (bột)
 - **Thuốc hoàn** (viên hoàn mật/nước)

- **Thuốc cao** (cao lỏng – cao mềm – cao khô)
 - **Thuốc đơn**
 - Nhận diện bằng hình ảnh minh họa.
- Bài 4: Nguyên tắc và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc (1.5 giờ)**

- **Nguyên tắc:**
 - đúng quy trình
 - đúng kỹ thuật
 - đảm bảo vệ sinh – an toàn
- **Yếu tố ảnh hưởng:**
 - chất lượng nguyên liệu
 - độ ẩm – ánh sáng – nhiệt độ
 - phương pháp chế biến
 - bao gói và bảo quản
- Tầm quan trọng của kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sử dụng.

Hình thức kiểm tra – đánh giá mô-đun

- Vấn đáp hoặc trắc nghiệm ngắn (5–10 câu).
- Đánh giá mức độ tham gia thảo luận của học viên.

MÔ-ĐUN 02: CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU, DƯỢC LIỆU; TÁ DƯỢC VÀ PHỤ LIỆU TRONG BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

Thời lượng: 25 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Thực hành: 19 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất

- **Vị trí:**
Là mô-đun thực hành nền tảng, được bố trí ngay sau MĐ01 – Đại cương về bào chế Đông dược.
MĐ02 giúp học viên hình thành **kỹ năng cơ bản và bắt buộc** để chuẩn bị nguyên liệu trước khi tiến hành bào chế, đồng thời hiểu cách sử dụng tá dược – phụ liệu đúng mục đích trong quá trình sản xuất thuốc.
- **Tính chất:**
Là mô-đun **kỹ thuật – thực hành chiếm tỷ lệ lớn**, tập trung vào:
 - chọn lọc – phân loại – sơ chế dược liệu
 - làm sạch – cắt – phơi – sấy
 - sao – tẩm – chưng – đồ
 - phân biệt tá dược – phụ liệu – xử lý tương kỵ

Đây là mô-đun bắt buộc nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của quy trình bào chế.

II. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được **quy trình chuẩn bị nguyên liệu – dược liệu** trước khi bào chế.
- Mô tả được **các thao tác sơ chế cơ bản**: rửa, làm sạch, thái, phơi, sấy.
- Trình bày được **các phương pháp chế biến cổ truyền**: sao, tẩm rượu – giấm – gừng – mật ong; chưng – đồ.

- Hiểu được các loại tá dược – phụ liệu trong bào chế Đông dược: mật ong, tinh bột, bột gạo, glycerin...
- Trình bày được nguyên tắc lựa chọn – phối hợp tá dược, nhận biết tương kỵ và cách xử lý.

2. Kỹ năng

- Thực hiện đúng các thao tác:
 - chọn – phân loại dược liệu
 - rửa – làm sạch
 - thái lát – cắt đoạn
 - phơi – sấy
 - sao – tẩm – đồ – chưng
- Nhận diện tá dược – phụ liệu và sử dụng đúng mục đích.
- Thực hành thử sai (case study) về lỗi sơ chế – xử lý lỗi.

3. Năng lực tự chủ – trách nhiệm

- Tuân thủ quy định an toàn – vệ sinh trong thao tác với dược liệu.
- Có tinh thần cẩn trọng – tỉ mỉ – tuân thủ quy trình chuẩn.
- Đảm bảo chất lượng đầu vào trước khi chuyển sang các công đoạn bào chế ở MĐ03 và MĐ04.

III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng

TT	Nội dung bài học	Thời lượng (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Quy trình chọn và phân loại dược liệu	4	1	3	0
2	Phương pháp làm sạch – thái – phơi – sấy dược liệu	7	1	6	0
3	Phương pháp chế biến cổ truyền (sao – tẩm – đồ – chưng)	8	1	7	0
4	Tá dược – phụ liệu: tính chất – phân loại – ứng dụng	5	2	3	0
5	Kiểm tra mô-đun	1	0	0	1
Tổng cộng		25 giờ	5	19	1

IV. Nội dung chi tiết từng bài học

Bài 1: Quy trình chọn và phân loại dược liệu (4 giờ – LT: 1; TH: 3)

- Tiêu chuẩn chọn dược liệu: đúng loài – đúng bộ phận – không ẩm mốc – không sâu mọt.
- Phân loại theo:
 - nhóm dược liệu (rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt...)
 - kích thước – màu sắc – độ ẩm – mùi
- Nhận diện dược liệu đạt chuẩn và không đạt chuẩn.
- **Thực hành:** chọn – phân loại dược liệu theo mẫu; loại bỏ tạp chất.

Bài 2: Phương pháp làm sạch – thái – phơi – sấy dược liệu

(7 giờ – LT: 1; TH: 6)

- **Làm sạch:** rửa, ngâm, vò, đãi, sàng, quạt.
- **Thái – cắt:** thái phiến, thái lát, cắt đoạn; yêu cầu đồng đều.
- **Phơi – sấy:**
 - phơi nắng – phơi râm
 - sấy nóng – sấy quạt – sấy tầng
 - yếu tố ảnh hưởng: nhiệt – thời gian – độ ẩm
- Kiểm soát hao hụt – biến đổi màu – biến đổi hoạt chất.
- **Thực hành:** rửa – cắt – sấy nhanh 3 mẫu dược liệu.

Bài 3: Phương pháp chế biến cổ truyền (sao – tẩm – đồ – chưng)

(8 giờ – LT: 1; TH: 7)

- **Sao dược liệu:** sao vàng – sao đen – sao tồn tính.
- **Tẩm:**
 - tẩm rượu (dẫn thuốc đi lên)
 - tẩm giấm (dẫn thuốc đi xuống)
 - tẩm gừng (ôn trung)
 - tẩm mật ong (bổ – nhuận)
- **Đồ – chưng:** thay đổi tính vị – mùi – giảm độc – tăng tác dụng.
- Yêu cầu kỹ thuật theo từng phương pháp.
- **Thực hành:**
 - sao vàng một dược liệu
 - tẩm giấm hoặc tẩm rượu
 - đồ/chưng một mẫu dược liệu theo hướng dẫn

Bài 4: Tá dược – phụ liệu: tính chất – phân loại – ứng dụng

(5 giờ – LT: 2; TH: 3)

- Khái niệm – vai trò của tá dược.
- Các loại tá dược thường dùng trong Đông dược:
 - mật ong (tá dược dính)
 - tinh bột – bột gạo (tá dược độn)
 - glycerin (giữ ẩm)
 - đường – maltose (điều vị – điều hương)
- Phụ liệu sử dụng trong sao – tẩm – chưng.
- Tương kỵ tá dược và xử lý.

- **Thực hành:** nhận diện – phân tích mẫu tá dược; thực hành phối trộn thử nghiệm.

Bài 5: Kiểm tra mô-đun (1 giờ – KT: 1)

- **Hình thức:** kết hợp lý thuyết và thực hành ngắn.
- **Nội dung:**
 - Nhận diện dược liệu – tá dược
 - Trình bày quy trình sơ chế
 - Thao tác cắt – tằm – sao trên mẫu

- **Tiêu chí:** đúng quy trình – an toàn – vệ sinh – kết quả thực hành.

MÔ-ĐUN 03: KỸ THUẬT BẢO CHẾ CÁC DẠNG THUỐC CỔ TRUYỀN CƠ BẢN

Thời lượng: 35 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất

- **Vị trí:**
MĐ03 được bố trí sau khi học viên đã có nền tảng từ MĐ01 và kỹ năng sơ chế – chuẩn bị nguyên liệu từ MĐ02.
Đây là mô-đun **trọng tâm**, giúp học viên nắm vững kỹ thuật bào chế các dạng thuốc truyền thống: thuốc thang, thuốc tán, thuốc hoàn, thuốc cao...
Kết quả của mô-đun này là nền tảng trực tiếp để học viên tiếp tục mô-đun hiện đại hóa (MĐ04).
- **Tính chất:**
Là mô-đun **kỹ thuật – thực hành chuyên sâu**, chiếm **80% thời lượng**, yêu cầu thao tác chuẩn xác, theo đúng quy trình truyền thống kết hợp tiêu chuẩn kỹ thuật hiện đại.
Học viên thực hành theo nhóm và cá nhân dưới sự giám sát của giảng viên.

II. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được nguyên tắc và quy trình **nấu – sắc – cô đặc** cao thuốc.
- Mô tả được kỹ thuật **bào chế thuốc tán**: nghiền – rây – phối hợp.
- Trình bày kỹ thuật **bào chế thuốc hoàn**: hoàn mật, hoàn nước, hoàn viên máy.
- Trình bày quy trình **sản xuất thuốc đơn, cao mềm, cao khô**.
- Trình bày **tiêu chí đánh giá chất lượng** của từng dạng thuốc.

2. Kỹ năng

- Thực hành đúng quy trình kỹ thuật:
 - sắc thang thuốc
 - cô cao lỏng – cao mềm – cao đặc
 - nghiền – rây – phối trộn thuốc tán
 - tạo viên hoàn thủ công và bằng máy hoàn viên
 - làm cao mềm – cao khô
- Kiểm tra cảm quan sản phẩm theo tiêu chuẩn.
- Vận hành thiết bị: máy nghiền, rây, nồi cô, máy hoàn viên.

3. Năng lực tự chủ – trách nhiệm

- Làm việc nhóm hiệu quả; tuân thủ vệ sinh – an toàn trong chế biến.
- Đảm bảo tính chính xác trong cân đong – phối liệu – kiểm tra chất lượng.
- Chịu trách nhiệm về kết quả sản phẩm trong buổi thực hành.

III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng

TT	Nội dung bài học	Thời lượng (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Kỹ thuật nấu – sắc – cô đặc cao thuốc	10	2	8	0
2	Bào chế thuốc tán (nghiền – rây – phối hợp)	8	1	7	0
3	Bào chế thuốc hoàn (hoàn mật, hoàn nước, hoàn viên)	9	1	8	0
4	Sản xuất thuốc đơn, cao mềm, cao khô	6	1	5	0
5	Kiểm tra mô-đun (thực hành + lý thuyết)	2	0	0	2
Tổng cộng		35 giờ	5	28	2

IV. Nội dung chi tiết từng bài học

Bài 1: Kỹ thuật nấu – sắc – cô đặc cao thuốc (10 giờ – LT: 2; TH: 8)

- Nguyên tắc sắc thuốc:
 - chọn dược liệu
 - lượng nước sắc
 - thời gian – nhiệt độ
 - sắc 2 lần – gộp nước sắc
- Kỹ thuật cô:
 - cô lỏng – cô mềm – cô đặc
 - kiểm soát độ sánh – nhiệt độ cô
- Thiết bị: nồi sắc, nồi cô, bếp điện, dụng cụ lọc.
- **Thực hành:** sắc một bài thuốc đơn giản → lọc → cô thành cao mềm hoặc cao đặc.

Bài 2: Bào chế thuốc tán (nghiền – rây – phối hợp) (8 giờ – LT: 1; TH: 7)

- Yêu cầu về độ mịn của tán bột.
- Quy trình:

- phơi – sấy → nghiền → rây → phối trộn
- Tá dược cho tán: tinh bột – bột gạo.
- **Thực hành:**
 - nghiền 2 loại dược liệu
 - rây nhiều lần
 - phối hợp theo tỷ lệ bài thuốc

Bài 3: Bào chế thuốc hoàn (hoàn mật – hoàn nước – hoàn viên)

(9 giờ – LT: 1; TH: 8)

- Kỹ thuật hoàn mật: độ kết dính – quy trình vê viên thủ công.
- Kỹ thuật hoàn nước: dùng dịch làm dính hoàn.
- Sử dụng máy hoàn viên:
 - điều chỉnh tốc độ
 - kích cỡ viên
 - sấy viên
- **Thực hành:** làm hoàn mật & hoàn viên máy; kiểm tra độ khô – độ cứng viên.

Bài 4: Sản xuất thuốc đơn, cao mềm, cao khô

(6 giờ – LT: 1; TH: 5)

- Thuốc đơn: định nghĩa – quy trình – ứng dụng.
- Cao mềm: tiêu chuẩn cảm quan – độ kéo.
- Cao khô: sấy lạnh / sấy nóng – phối trộn tá dược mang.
- **Thực hành:** chế biến cao mềm hoặc cao khô từ bài thuốc mẫu.

Bài 5: Kiểm tra mô-đun

(2 giờ – KT: 2)

- **Hình thức:**
 - Thực hành: học viên bào chế một dạng thuốc theo yêu cầu.
 - Lý thuyết: câu hỏi ngắn về quy trình – tiêu chuẩn chất lượng.
- **Tiêu chí đánh giá:**
 - đúng kỹ thuật
 - an toàn – vệ sinh
 - chất lượng sản phẩm
 - tính chính xác trong thao tác

MÔ-ĐUN 04: KỸ THUẬT BÀO CHẾ CÁC DẠNG THUỐC HIỆN ĐẠI TỪ DƯỢC LIỆU

Thời lượng: 35 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất

- **Vị trí:**
MĐ04 được bố trí sau MĐ03 – Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền cơ bản.
Đây là mô-đun **kỹ thuật nâng cao**, giúp học viên tiếp cận các dạng thuốc hiện đại được sản xuất từ dược liệu với quy trình bán công nghiệp và phù hợp với tiêu chuẩn GMP – WHO.

- **Tính chất:**

Là mô-đun **thực hành chuyên sâu**, chiếm hơn 80% thời lượng.

Học viên trực tiếp vận hành thiết bị, thao tác kỹ thuật bào chế các dạng:

- viên nén
- viên nang cứng – mềm
- thuốc nước – siro
- thuốc đặt

- Đồng thời nắm được các tiêu chuẩn kiểm nghiệm cơ bản của dạng thuốc hiện đại.

II. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được quy trình bào chế **viên nén**, các giai đoạn: trộn – tạo hạt – sấy – dập viên.
- Trình bày được nguyên tắc bào chế **viên nang** (cứng/mềm).
- Trình bày được quy trình bào chế **thuốc nước, siro, thuốc đặt**.
- Hiểu được các **tiêu chuẩn kiểm nghiệm cơ bản**: độ đồng đều khối lượng, độ rã, độ ẩm, cảm quan.

2. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo:
 - trộn bột – tạo hạt – dập viên
 - đóng nang thủ công và vận hành máy đóng nang nhỏ
 - pha chế thuốc nước – siro – rót chai – lọc – bảo quản
 - bào chế thuốc đặt: nấu tá dược – rót khuôn – làm lạnh
- Kiểm tra chất lượng các chế phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Vận hành và bảo quản thiết bị bào chế ở quy mô nhỏ.

3. Năng lực tự chủ – trách nhiệm

- Tuân thủ quy định vệ sinh – an toàn trong bào chế hiện đại.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm với tinh thần trách nhiệm cao.
- Đảm bảo tính chính xác, chuẩn hóa trong từng công đoạn kỹ thuật.

III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng

TT	Nội dung bài học	Thời lượng (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bào chế viên nén (quy trình – thao tác kỹ thuật)	10	2	8	0
2	Bào chế viên nang cứng và viên nang mềm	8	1	7	0
3	Bào chế thuốc nước, siro, dịch chiết	9	1	8	0

4	Bào chế thuốc đặt	6	1	5	0
5	Kiểm tra mô-đun	2	0	0	2
Tổng cộng		35 giờ	5	28	2

IV. Nội dung chi tiết từng bài học

Bài 1: Bào chế viên nén (quy trình – thao tác kỹ thuật)

(10 giờ – LT: 2; TH: 8)

- Nguyên tắc chung:
 - độ mịn bột
 - độ ẩm nguyên liệu
 - tỉ lệ tá dược
- Các giai đoạn chính:
 - Trộn khô – trộn ướt
 - Tạo hạt (ướt hoặc khô)
 - Sấy – rây – chỉnh kích thước
 - Dập viên:
 - áp lực
 - tốc độ máy
 - kích thước khuôn
- Thực hành:
 - tạo hạt ướt
 - sấy – rây
 - dập viên thử với máy dập viên mini

Bài 2: Bào chế viên nang cứng và viên nang mềm

(8 giờ – LT: 1; TH: 7)

- Viên nang cứng:
 - đóng bột khô
 - đóng hạt
 - điều chỉnh đồng đều khối lượng
- Viên nang mềm:
 - phối dịch dầu hoặc dịch chiết
 - kỹ thuật tạo vỏ mềm (minh họa quy trình)
- Thực hành:
 - đóng nang cứng thủ công
 - vận hành máy đóng nang nhỏ
 - kiểm tra đồng đều khối lượng

Bài 3: Bào chế thuốc nước, siro, dịch chiết

(9 giờ – LT: 1; TH: 8)

- Thuốc nước: chiết – lọc – pha dung dịch – bảo quản.

- Siro: nguyên tắc hòa tan – chống kết tinh – bảo quản.
- Dịch chiết dược liệu: lọc – cô – phối trộn tá dược.
- **Thực hành:**
 - pha siro ho đơn giản
 - lọc dịch chiết
 - rót chai và kiểm tra độ trong – màu – mùi

Bài 4: Bào chế thuốc đặt

(6 giờ – LT: 1; TH: 5)

- Tá dược: bơ cacao – PEG – glycerin gelatin...
- Nguyên tắc:
 - nấu chảy
 - phối dược chất/dược liệu
 - rót khuôn
 - làm nguội – bảo quản
- **Thực hành:**
 - nấu tá dược
 - rót khuôn thuốc đặt
 - thử độ cứng – độ tan

Bài 5: Kiểm tra mô-đun

(2 giờ – KT: 2)

- **Hình thức:**
 - Thực hành 1 dạng thuốc hiện đại (viên/nang/nước/đặt).
 - 5–10 câu lý thuyết ngắn về quy trình – thiết bị – chỉ tiêu kiểm nghiệm.
- **Tiêu chí:**
 - đúng quy trình
 - an toàn – vệ sinh
 - kiểm soát chất lượng sản phẩm

MÔ-ĐUN 05: VỆ SINH – AN TOÀN; BẢO QUẢN – ĐÓNG GÓI; KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Thời lượng: 6 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất

- **Vị trí:**
MĐ05 được bố trí sau khi học viên đã hoàn thiện các kỹ thuật bào chế dược liệu ở MĐ03 và MĐ04.
Đây là mô-đun tổng hợp các kiến thức bắt buộc về **an toàn – vệ sinh – bảo quản – đóng gói – ghi nhãn – kiểm tra chất lượng**, nhằm đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn trước khi lưu hành.
- **Tính chất:**
Là mô-đun lý thuyết trọng tâm, bổ sung hiểu biết quy định và kỹ thuật cần thiết sau các mô-đun thực hành.
Mô-đun giúp học viên hiểu:
 - yêu cầu điều kiện sản xuất

- quy tắc vệ sinh – an toàn lao động
- tiêu chuẩn bao gói – bảo quản
- phương pháp kiểm tra chất lượng cơ bản

MĐ05 đóng vai trò “điểm cuối” trước khi thi – kiểm tra cuối khóa.

II. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được các yêu cầu về **vệ sinh, an toàn lao động** trong sản xuất thuốc Đông dược.
- Nêu được các điều kiện **bảo quản**, các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền – ổn định sản phẩm.
- Trình bày các **quy định về đóng gói – ghi nhãn** theo yêu cầu của Bộ Y tế.
- Trình bày được các phương pháp **kiểm tra chất lượng cơ bản**: cảm quan – độ ẩm – tạp chất.

2. Kỹ năng

- Áp dụng nguyên tắc vệ sinh – an toàn vào thực tế sản xuất nhỏ.
- Nhận diện bao bì phù hợp cho từng dạng thuốc.
- Kiểm tra sơ bộ chất lượng sản phẩm theo checklist đơn giản.

3. Năng lực tự chủ – trách nhiệm

- Tuân thủ đúng quy trình vệ sinh, an toàn lao động trong khu vực bảo chế.
- Thực hiện trách nhiệm cá nhân khi bảo quản – ghi nhãn – quản lý chất lượng sản phẩm.
- Sẵn sàng tham gia kỳ thi kết thúc khóa.

III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời lượng

TT	Nội dung bài học	Thời lượng (giờ)	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Quy định vệ sinh – an toàn trong bào chế Đông dược	2	2	0
2	Bảo quản thuốc Đông dược	1	1	0
3	Đóng gói – ghi nhãn – vật liệu bao bì	1	1	0
4	Kiểm tra chất lượng thuốc	1	1	0
5	Kiểm tra mô-đun	1	0	1
Tổng cộng		6 giờ	5	1

IV. Nội dung chi tiết từng bài học

Bài 1: Quy định vệ sinh – an toàn trong bào chế Đông dược (2 giờ – LT: 2)

- An toàn lao động trong sản xuất thuốc:
 - trang phục bảo hộ
 - an toàn nhiệt – điện – máy móc
 - xử lý nguyên liệu nóng – nồi sắc – máy cô
- Vệ sinh cá nhân và vệ sinh thiết bị.
- Nguyên tắc phòng chống nhiễm chéo:
 - tách nguyên liệu
 - vệ sinh dụng cụ
 - bố trí mặt bằng
- Các quy định của GMP liên quan phần an toàn – vệ sinh.

Bài 2: Bảo quản thuốc Đông dược (1 giờ – LT: 1)

- Yếu tố ảnh hưởng: nhiệt độ – độ ẩm – ánh sáng – vi sinh.
- Điều kiện bảo quản theo dạng thuốc:
 - thang – tán – hoàn – cao mềm/khô
- Phòng chống ẩm mốc, sâu mọt.
- Nguyên tắc nhập kho – xuất kho.

Bài 3: Đóng gói – ghi nhãn – vật liệu bao bì (1 giờ – LT: 1)

- Bao bì: túi PE – hũ thủy tinh – lọ tối màu – bao bì kín khí.
- Tiêu chuẩn ghi nhãn theo quy định:
 - tên thuốc, thành phần
 - dạng bào chế
 - NSX – HSD
 - điều kiện bảo quản
 - hướng dẫn sử dụng
- Quy tắc lựa chọn bao bì phù hợp từng dạng thuốc.

Bài 4: Kiểm tra chất lượng thuốc (1 giờ – LT: 1)

- Kiểm tra cảm quan: màu – mùi – độ mịn – kết dính – đồng nhất.
- Kiểm tra độ ẩm, tạp chất.
- Kiểm tra bao bì – nhãn – độ kín khí.
- Xác định mức đạt – không đạt dựa trên tiêu chí cơ bản.

Bài 5: Kiểm tra mô-đun (1 giờ – KT: 1)

- **Hình thức:** câu hỏi ngắn + nhận diện bao bì – lỗi chất lượng.
- **Nội dung:** vệ sinh – an toàn – bảo quản – nhãn – kiểm tra chất lượng.
- **Tiêu chí:** nắm đúng quy định – trình bày rõ ràng.

THI – KIỂM TRA CUỐI KHÓA

Thời lượng: 05 giờ (Lý thuyết: 1 giờ; Thực hành: 4 giờ)

I. Mục đích kiểm tra

- Đánh giá **năng lực tổng hợp** của học viên sau toàn bộ chương trình đào tạo 05 mô-đun.
- Kiểm tra mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học viên đối với:

- kiến thức lý thuyết nền tảng
- kỹ năng thực hành bào chế thuốc cổ truyền và hiện đại
- tác phong nghề – an toàn – vệ sinh
- Là cơ sở để xét **công nhận hoàn thành khóa học** và cấp chứng nhận đào tạo.

II. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra lý thuyết: 1 giờ

- Hình thức: **trắc nghiệm + tự luận ngắn**
- Số lượng câu hỏi: 15–20 câu (70% trắc nghiệm, 30% tự luận ngắn)
- Nội dung kiểm tra bao gồm:
 - Khái niệm và nguyên tắc bào chế Đông dược (MĐ01)
 - Chuẩn bị nguyên liệu – dược liệu – tá dược (MĐ02)
 - Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền cơ bản (MĐ03)
 - Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc hiện đại từ dược liệu (MĐ04)
 - Vệ sinh – an toàn; bảo quản – đóng gói; kiểm tra chất lượng (MĐ05)

2. Kiểm tra thực hành: 4 giờ

- Học viên bốc thăm **1 trong 4 chủ đề**:
 - Sắc – cô cao lỏng/cao mềm
 - Bào chế bột tán hoặc hoàn
 - Dập viên / đóng nang cứng
 - Pha siro / thuốc nước hoặc làm thuốc đặt
- Mỗi học viên thực hiện trọn vẹn quy trình, bao gồm:
 - chuẩn bị nguyên liệu – dụng cụ
 - thao tác kỹ thuật
 - kiểm tra cảm quan sản phẩm
 - vệ sinh – an toàn trong quá trình thực hiện
 - ghi chép quy trình (mini-report)

III. Nội dung kiểm tra

1. Phần lý thuyết

- Đại cương bào chế
- Phân loại dạng thuốc Đông y
- Các phương pháp sơ chế, sao – tẩm – đồ – chưng
- Nguyên tắc tạo viên / đóng nang / làm cao
- Tiêu chuẩn cảm quan – độ rã – độ ẩm
- Quy định ghi nhãn – bao gói – bảo quản

2. Phần thực hành

- Bào chế một dạng thuốc hoàn chỉnh
- Kiểm soát các yếu tố kỹ thuật
- Đánh giá chất lượng sản phẩm theo tiêu chí
- Thao tác an toàn – vệ sinh – đúng quy trình
- Đảm bảo tính chính xác về nguyên liệu, tá dược, tỷ lệ

IV. Bảng phân bổ thời gian

Nội dung	Thời gian (giờ)
Kiểm tra lý thuyết	1 giờ
Ôn tập – chuẩn bị thực hành	0.5 giờ
Thực hành bào chế (bóc thăm chủ đề)	3 giờ
Đánh giá sản phẩm – tổng kết	0.5 giờ
Tổng cộng	5 giờ

V. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

1. Lý thuyết (30% tổng điểm)

Tiêu chí	Trọng số
Hiểu đúng kiến thức căn bản	40%
Vận dụng kiến thức vào tình huống	40%
Trình bày rõ ràng – logic	20%

2. Thực hành (70% tổng điểm)

Tiêu chí	Trọng số
Chuẩn bị nguyên liệu – dụng cụ	10%
Thao tác kỹ thuật đúng quy trình	40%
An toàn – vệ sinh lao động	15%
Chất lượng sản phẩm đầu ra	25%
Ghi chép quy trình – báo cáo ngắn	10%

3. Điều kiện đạt

- Tổng điểm đạt từ 5.0/10 trở lên
- Không có lỗi nghiêm trọng về vệ sinh – an toàn hoặc sai quy trình nguy hiểm
- Có mặt $\geq 80\%$ thời lượng toàn khóa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX

Số: 201/QĐ - PIC

V/v thành lập hội đồng xây dựng bổ sung chương
trình đào tạo hệ thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 13 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hệ thường xuyên Nghề Bào chế đông dược

- Căn cứ luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014
- Căn cứ văn bản hợp nhất 5828/VBHN-BLĐTĐBXH năm 2019, hợp nhất Thông tư 43/2015/TT-BLĐTĐBXH (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học 2025 – 2026 và định hướng phát triển các ngành nghề đào tạo tại Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix
- Xét nhu cầu thực tế về công tác đào tạo nghề hiện tại của xã hội và của trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng Xây dựng sửa đổi bổ sung chương trình đào tạo hệ thường xuyên Nghề Bào chế đông dược. Thành viên Hội đồng thẩm định chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Xây dựng tính hợp lý, khoa học, thực hiện và tính pháp lý của chương trình/ giáo trình đào tạo Nghề Bào chế đông dược.

- Đưa ra được chương trình đào tạo Nghề Bào chế đông dược đã sửa đổi bổ sung và trình BGH nhà trường thông qua

Điều 3. Hội đồng tự giải thể sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ

Điều 4. Các Ông/ Bà có tên tại Điều 1 và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Tuấn Dũng



PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

(Kèm theo Quyết định số: 201 /QĐ-PIC ngày 13 tháng 09 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trương Tuấn Dũng	Hiệu trưởng- Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Thị Thu	Phó Hiệu trưởng- Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Đào Văn Tiến	Cố vấn chuyên môn – thành viên
4	Trần Quý Hồng	Ths. Bs Đa khoa – Thành viên
5	Trần Trà Hiếu	Trưởng phòng Đào tạo- Thư ký
6	Nghiêm Minh Thảo	Ths. BS. Đông y
7	Lê Thị Trang	Trưởng khoa chăm sóc sắc đẹp – Thành viên
8	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó khoa chăm sóc sắc đẹp – Thành Viên
9	Trần Trà Hiếu	Trưởng phòng Đào tạo- Thư ký



